

QUAN NIỆM CHỦ YẾU VỀ DÂN CHỦ CỦA “CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ”

PGS, TS ĐỖ MINH HỢP

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

♦ **Tóm tắt:** “Chủ nghĩa xã hội dân chủ” là một trong những hình thức phổ biến nhất, phát triển nhất về phương diện tổ chức chính trị của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản ở thời hiện đại. Đây cũng là kết quả cải biến kéo dài về mặt tư tưởng và chính trị của các đảng xã hội dân chủ đã chuyển từ lập trường đấu tranh giai cấp sang lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản. Với “thái độ trung lập về thế giới quan”, các đảng dân chủ xã hội đã mở toang cánh cửa cho vô số những lý giải về dân chủ. Bài viết làm rõ quan niệm về dân chủ của trào lưu “chủ nghĩa xã hội dân chủ” hiện nay.

♦ **Từ khóa:** Dân chủ; Chủ nghĩa xã hội dân chủ; Tuyên bố Frankfurt; Thế giới đương đại.

Ngày nhận: 24-10-2021

Ngày thẩm định: 15-11-2021

Ngày duyệt đăng: 29-11-2021

“C”hủ nghĩa xã hội dân chủ” lần đầu tiên được chính thức thừa nhận trong Tuyên bố tại Đại hội sau chiến tranh của Quốc tế Xã hội chủ nghĩa diễn ra ở Frankfurt am Main (Tuyên bố Frankfurt - 1951). Việc tìm hiểu quan niệm về dân chủ của chủ nghĩa xã hội (CNXH) dân chủ đòi hỏi chúng ta phải vạch rõ thực chất nó, tức bản chất của dân chủ theo quan niệm của phái dân chủ xã hội, những biểu hiện mang tính bản chất của dân chủ trong các lĩnh vực sinh hoạt xã hội khác nhau. Theo đó, các quan niệm của phái dân chủ xã hội về dân chủ trong từng lĩnh vực đời sống xã hội, thông qua những tài liệu của các đại diện cho phái dân chủ xã hội phương Tây và những công trình nghiên cứu về nó, cho thấy các nội dung sau¹:

1. Bản chất của “dân chủ chính trị”

Những luận điểm cơ bản của Tuyên bố năm 1951 vẫn giữ nguyên hiệu lực cho tới ngày nay. Điều đó trước hết có liên quan tới quan niệm về dân chủ chính trị. Trái ngược với chủ nghĩa tư bản (CNTB) đang “làm gay gắt thêm đấu tranh giai cấp” và chủ nghĩa cộng sản đang nỗ lực tăng cường giảm phân hóa giai cấp, phái dân chủ xã hội “cố gắng xây dựng xã hội mới một cách tự do, nhờ những phương tiện dân chủ”². “Con đường thứ ba” với tên gọi là “CNXH dân chủ” được phái dân chủ xã hội hình thành như vậy. Mức độ “cách tân” của nó thể hiện càng rõ hơn khi chúng ta bàn về những đặc điểm nổi bật của nó.

Dân chủ là một thuật ngữ mang tính “ảo thuật” được phái dân chủ xã hội sử dụng để bắt đầu và kết thúc những suy luận của mình về chiến lược và sách lược chính trị, về mục

đích và phương pháp hành động. Thậm chí, CNXH cũng chỉ được hiểu là “CNXH dân chủ”. Như vậy, có cảm tưởng một điều hiển nhiên là CNXH không thể thiếu dân chủ, cũng như dân chủ không thể thiếu CNXH. Đấu tranh vì dân chủ và đấu tranh vì CNXH là một quá trình thống nhất. Nó có các giai đoạn khác nhau, trên đó, những nhiệm vụ khác nhau được giải quyết dưới ánh sáng của triển vọng xã hội chủ nghĩa (XHCN). CNXH “phi dân chủ” là không thể, không tồn tại xét về mặt bản chất của CNXH. Tuy nhiên, trái ngược với lôgic đơn giản ấy, khi nói đến CNXH dân chủ, phái dân chủ xã hội lại cố gắng khu định nó với CNXH đích thực như mục đích đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, thay thế nó bằng quan điểm về CNXH tiểu tư sản. Đây là một thử nghiệm nữa với mong muốn nhằm hợp nhất những cái không thể hợp nhất - CNTB với CNXH, xã hội văn minh với xã hội văn hóa.

Truyền bá dân chủ “thuần túy”, phái dân chủ xã hội ủng hộ nhà nước “siêu giai cấp”, không có những đặc trưng về giai cấp và đảng phái. Nhà nước được họ hiểu hoặc là cơ quan biểu thị “ý chí chung”, đứng trên lợi ích của giai cấp và của các nhóm xã hội, hoặc là thiết chế xã hội tối cao có nhiệm vụ điều tiết và dung hòa lợi ích riêng tư của những cá nhân, những nhóm xã hội riêng biệt, v.v.. “Nhà nước được sử dụng nhờ những phương tiện dân chủ như bộ máy quản lý phát triển kinh tế chung và cải biến xã hội”³. Cơ sở lý thuyết này chỉ có một định hướng duy nhất là biện minh cho việc bảo vệ nhà nước tư sản.

Từ luận điểm nêu trên, chúng ta nhận thấy “nhà nước không phải là công cụ nô dịch, mà là một trong những công cụ chủ yếu để cải tạo xã hội”⁴. Hơn nữa, đóng vai trò “kẻ bảo vệ quyền tự do của cá nhân”, khi có mong muốn cải tạo xã hội, nhà nước đối mặt với đại tư bản và chỉ có thể tiến hành cải tạo xã hội “thông qua cuộc đấu tranh chống lại khát vọng làm giàu của tư bản”⁵. Lập trường này phản ánh

thái độ không tin tưởng và thù địch đối với sự thống trị của giai cấp tư sản từ phía giai cấp công nhân và đại diện của tầng lớp tiểu tư sản.

Tuy nhiên, bản thân tầng lớp lao động và tiểu tư sản vẫn nhận thấy nhà nước là một thế lực thù địch, mang đến nguy cơ phá sản, bản cùng hóa thông qua mức thuế ngày một tăng, những hạn chế và can thiệp vào đời sống của họ. Vì vậy, phái dân chủ xã hội cố gắng xoa dịu thái độ không tin tưởng sâu sắc đối với nhà nước tư sản nhờ đòi hỏi phải phi tập trung hóa hoạt động hành chính và sản xuất, tăng cường vai trò của các cơ quan quyền lực địa phương nhằm đạt tới “CNXH tự quản” - chủ nghĩa tạo điều kiện cho sản xuất nhỏ phát triển thịnh vượng trong điều kiện “cạnh tranh thị trường trung thực”.

Một điểm đáng lưu ý là, các đảng dân chủ xã hội đã lên tiếng phê phán đường lối kinh tế bảo thủ mới của Ronald Reagan ở Mỹ và Margaret Thatcher ở Anh. Những người ủng hộ đường lối này tuyên bố cần thiết phải giảm bớt điều tiết kinh tế của nhà nước một cách có lợi cho “kinh tế thị trường tự do”. Đại diện của các đảng dân chủ xã hội tuyên bố không tán thành với đòi hỏi đó. Họ cảnh báo rằng, việc thực hiện đường lối như vậy sẽ không làm lành mạnh hóa nền kinh tế, mà còn dẫn tới những khủng hoảng sâu sắc hơn, làm cho tình cảnh của đông đảo các tầng lớp nhân dân trở nên tồi tệ hơn và cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt hơn.

Khủng hoảng trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội và văn hóa cũng đưa đại diện của phái dân chủ xã hội đến chỗ phê phán gay gắt hơn nữa CNTB với tư cách một chế độ. Đại hội Quốc tế Xã hội chủ nghĩa họp ở Gionevơ năm 1976 tuyên bố: “Hệ thống kinh tế không có kế hoạch, căn cứ trên quan hệ thị trường tự do và đang thống trị trong thế giới tư bản chủ nghĩa, đã chịu thất bại nặng nề trong ý định đảm bảo một mức sống thỏa đáng cho nhiều người hơn là một bộ phận nhỏ nhất của loài người”⁶.

Trong lĩnh vực lý luận, các trào lưu dân chủ xã hội tả khuynh đề ra yêu cầu quay lại với các nguyên lý phân tích mác xít trong việc đánh giá những vấn đề cơ bản của thời hiện đại (trong đó trước hết là lý thuyết về đấu tranh giai cấp, về tính vô căn cứ của quan điểm “hợp tác xã hội”). Điều đó cho thấy, những người đứng đầu phái dân chủ xã hội thể hiện thái độ rất linh hoạt nhằm thích nghi với tình hình mới. Họ rất nỗ lực đổi mới kho tàng lý luận, trước hết là quan niệm về “CNXH dân chủ”, coi đó là con đường khắc phục khủng hoảng trong nội bộ Đảng. H.Heimann tuyên bố: “Thiếu học thuyết có luận chứng sâu sắc về chủ nghĩa xã hội thì không thể có phong trào xã hội chủ nghĩa, không thể có chính sách thực tiễn hữu hiệu nhằm thực hiện dần dần chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa dân chủ”⁷.

Thực tế trên cũng giải thích các cuộc tranh luận rầm rộ trong phái dân chủ xã hội về nguyên nhân khủng hoảng của đường lối cải cách và về lối thoát ra khỏi nó. Luận chiến với O.Panmơ, thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội Thụy Điển, là người nhận thấy cội nguồn cái ác của xã hội tư bản chủ nghĩa ở quá trình tự động hóa sản xuất dẫn tới tình trạng thất nghiệp, làm ô nhiễm môi trường, J.M.den Uyl nhận xét: “Tất cả những điều đó tất nhiên đóng vai trò của mình, nhưng tôi cảm thấy điều quan trọng hơn là động cơ chủ đạo của hoạt động xã hội ngày càng biến mất khỏi đời sống của xã hội tư sản”⁸. Theo ông, ngay vào những năm 50-60 của thế kỷ 20, CNXH theo cách lý giải của phái dân chủ xã hội “không những đã bị giải tư tưởng hệ hóa, mà thậm chí còn đánh mất sự luận chứng của mình”⁹.

2. Bản chất của dân chủ kinh tế

Tuyên bố Frankfurt nêu rõ: “Chủ nghĩa xã hội cố gắng thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một chế độ trong đó lợi ích xã hội sẽ đứng trên lợi nhuận cá nhân. Mục đích kinh tế chủ yếu của các đảng xã hội chủ nghĩa là công ăn việc làm đầy đủ của người lao động, là năng suất lao động cao hơn, là nâng cao mức sống, là

bảo hiểm xã hội và phân chia công bằng thu nhập và tài sản”¹⁰. Đối với mục đích kinh tế chủ yếu của CNXH thì phái dân chủ xã hội cũng lớn tiếng tuyên bố họ sẽ đáp ứng tất cả mọi yêu cầu của người lao động, kể cả việc phân chia công bằng thu nhập và tài sản. Tuy nhiên, họ không động chạm đến điều chủ yếu là cơ sở của quyền lực tư sản. Vấn đề ở đây thực chất là chính sách mị dân mà các đảng dân chủ xã hội cầm quyền thường xuyên sử dụng và không có khả năng làm thay đổi tình cảnh của người lao động với tương quan lực lượng giai cấp hiện tồn.

Tuyên bố Frankfurt cũng giả định khả năng quốc hữu hóa các công ty tư nhân, song lại nhấn mạnh rằng “kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa không đòi hỏi phải xã hội hóa sở hữu về tất cả mọi tư liệu sản xuất. Song sở hữu tư nhân có thể được giữ lại trong các lĩnh vực, như nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, bán lẻ, công nghiệp vừa”. Đây chính là quan điểm của E.Bernstein, theo đó, điều kiện để chuyển lên CNXH được coi là việc quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn, trong khi các xí nghiệp vừa và nhỏ vẫn thuộc sở hữu tư nhân. Như vậy, “CNXH dân chủ” được thiết kế dưới dạng “xã hội hỗn hợp”, trong đó cả công nhân, cả tiểu tư sản, cả tư sản vừa cần phải phát triển thịnh vượng trong tình thống nhất hữu nghị. Tuy vậy, Tuyên bố cũng không nói rõ cách thức thực hiện phương án này. Vì vậy, các vấn đề then chốt về xã hội hóa tư hữu, kế hoạch hóa, tham gia vào giám sát sản xuất của người lao động luôn là vấn đề tranh luận gay gắt trong các đảng dân chủ xã hội.

Đại hội Quốc tế XHCN năm 1976 lần đầu tiên tuyên bố cần thiết phải có “sự can thiệp rộng rãi của chính phủ vào hoạt động kinh tế của các xí nghiệp theo con đường chuyển ồ ạt chúng thành sở hữu nhà nước hay theo con đường xác lập giám sát từ phía nhà nước”¹¹. Quá trình quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn đã diễn ra ở Bồ Đào Nha sau Cách mạng tháng tư năm 1974 và ở Pháp sau thắng lợi của Đảng

XHCN năm 1981. Công Đảng ở Anh đòi hỏi mở rộng lĩnh vực kinh tế quốc doanh và tăng vốn đầu tư vào các xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường yêu cầu quốc hữu hóa là các ngành kinh tế thuộc khu vực nhà nước luôn ổn định, góp phần xoa dịu tình trạng thất nghiệp. Nhưng kết quả thực tế của chính sách dân chủ xã hội trong lĩnh vực này là khá khiêm tốn, các thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội kêu gọi thận trọng tới đa khi giải quyết vấn đề quốc hữu hóa. Bí thư Đảng XHCN Italia B. Crati tuyên bố: “Không hẳn kinh doanh tư nhân, mà chủ yếu việc kích thích các quá trình quốc hữu hóa phổ biến là không tương dung với chủ nghĩa xã hội”¹².

Một số nhà lãnh đạo của các đảng dân chủ xã hội còn tuyên bố mục đích tăng cường tham gia của người lao động vào quản lý sản xuất là biến CNTB thành “CNTB nhân dân”. Họ đề nghị biến những người lao động làm thuê thành những “nhà tư bản nhỏ” theo con đường bán một số cổ phần của công ty cho người lao động, cho phép người lao động tham gia vào phân chia lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn khiêm tốn. Phái dân chủ xã hội cũng coi “đồng tham gia” như là phương thức củng cố “hợp tác xã hội”, mặc dù họ không cho phép động chạm đến quyền tư hữu bất khả xâm phạm.

Như vậy, thực tế cho thấy, “dân chủ kinh tế”, cũng như “dân chủ chính trị” vẫn dừng lại ở trong khuôn khổ của xã hội tư sản. Nó không dẫn tới và không thể dẫn tới CNXH.

3. Bản chất của dân chủ xã hội

Trong thời gian gần đây, phái dân chủ xã hội đặc biệt quan tâm đến vấn đề “dân chủ xã hội” như một bộ phận của quan niệm “CNXH dân chủ”. Cùng với quá trình uy tín của nền dân chủ tư sản bị hạ thấp, phái dân chủ xã hội bắt buộc phải suy ngẫm tìm ra cách thức bổ sung những luận điểm hướng ứng yêu cầu chấm dứt sự bất công xã hội gay gắt của quần chúng cho những định đề chính trị của chế độ nghị viện tư sản.

Sự hạn chế trong chính sách cải lương của các đảng dân chủ xã hội đã đưa tới trạng thái thất vọng và bất mãn của các tầng lớp xã hội vốn ủng hộ phái dân chủ xã hội và làm tăng tâm trạng tá khuynh ở bên trong bản thân phái dân chủ xã hội. Trong điều kiện đó, các thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội cố gắng hình thành chính sách khước từ đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng giai cấp lao động nhờ tìm kiếm những lý tưởng vĩnh hằng mang tính chất cổ vũ, thần thánh hóa những “mục đích tối hậu” của “CNXH dân chủ”. Chính họ tuyên bố và truyền bá cái gọi là “những giá trị cơ bản” với tư cách là nền tảng của “dân chủ xã hội”.

Những tư tưởng của phái dân chủ xã hội bắt nguồn từ khẩu hiệu của Cách mạng Pháp về “tự do, bình đẳng, bác ái”. Khẩu hiệu này được thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội sử dụng để luận chứng cho quan điểm “hòa bình giai cấp” và “tích hợp với CNTB”. Phái dân chủ xã hội không có ý kiến thống nhất về “những giá trị cơ bản”. Mỗi một đảng dân chủ xã hội đều có tổng thể, danh mục những giá trị cơ bản riêng của mình¹³.

Đảng Dân chủ xã hội Đức có lập trường tiêu biểu nhất trong vấn đề “những giá trị cơ bản”. Cương lĩnh Godesberg của Đảng này tuyên bố ba giá trị cơ bản là: tự do, công bằng và đoàn kết. Các thủ lĩnh của Đảng này không có ý định luận chứng cho những giá trị này vì không thể hợp nhất những quan điểm khác nhau về chúng¹⁴. Mặc dù theo chỉ đạo của Ủy ban về những giá trị cơ bản của Đảng Dân chủ xã hội Đức, một cuốn sách đã được biên soạn, trong đó nguyên Thủ tướng Đức H. Smid đã liệt kê ba giá trị cơ bản nêu trên¹⁵.

Giá trị thứ nhất là “tự do”. Theo phái dân chủ xã hội Đức, giá trị này không gắn liền với một lý thuyết xã hội hay một thể giới quan nào. Song, họ cũng không tán thành quan niệm mác xít về tự do vốn được đưa ra trong các cương lĩnh trước kia của Đảng Dân chủ xã hội Đức. Cương lĩnh Godesberg nhấn mạnh những thành tố dân chủ tự do của phong trào công

nhân. Đó là những khâu hiệu cơ bản của chủ nghĩa tự do - tự do tư tưởng, tự do báo chí và tự do hội họp. Điều này cho thấy, việc khước từ quan niệm mác xít về tự do như thủ tiêu phân chia xã hội ra thành các giai cấp và việc chuyển sang quan niệm dân chủ tự do về tự do cấu thành nội dung của giá trị thứ nhất - tự do.

Giá trị thứ hai là “công bằng”, cũng bắt nguồn từ khâu hiệu “bình đẳng” của Cách mạng Pháp. Việc thay thế thuật ngữ ở đây không phải là ngẫu nhiên, vì phái dân chủ xã hội chỉ thừa nhận “bình đẳng” là bình đẳng mang tính hình thức trước pháp luật, tức là bình đẳng theo quan niệm của chủ nghĩa tự do. Thậm chí, học thuyết của phái dân chủ xã hội còn không đề cập đến bình đẳng xã hội thực tế. Phái dân chủ xã hội còn viện dẫn vào luận điểm trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta* của C.Mác cho rằng, do những khác biệt về thể chất và trí tuệ, cũng như do khác biệt về năng suất lao động của mọi người, “quyền bình đẳng là quyền bất bình đẳng đối với lao động bất bình đẳng”. Từ đó, phái dân chủ xã hội đi đến kết luận: “Bình đẳng là tiền đề cho tự do, khi chúng ta còn nói đến tự do pháp lý hay tự do chính trị của con người. Trong lĩnh vực xã hội - khi vấn đề có liên quan đến việc tạo ra cho mỗi công dân những điều kiện xã hội bình đẳng để họ phát triển tự do và độc đáo. Bình đẳng không còn là công bằng, khi nó bắt đầu đe dọa tự do. Từ thời điểm này, công bằng trở thành mục đích chính trị duy nhất trong việc tự giác khước từ bình đẳng”¹⁶. Theo quan điểm này, bình đẳng còn có giá trị cho tới khi nó chưa bắt đầu cản trở tự do theo quan niệm của phái dân chủ xã hội về tự do.

Giá trị thứ ba là “đoàn kết”. Theo các nhà lý luận của phái dân chủ xã hội, giá trị này “có ý nghĩa trung tâm trong cuộc đấu tranh vì một xã hội nhân văn hơn”¹⁷. Nó có nhiệm vụ hợp nhất xã hội tư sản đang bị chia rẽ bởi những mâu thuẫn trong quá trình vận động tiến lên “CNXH dân chủ”. Nó bắt nguồn từ khâu hiệu về bác ái của Cách mạng Pháp và từ khâu hiệu

về tình yêu tha nhân của Kitô giáo. Theo các tư tưởng gia của Đảng Dân chủ xã hội Đức, “đoàn kết là quyết định tự nguyện, mang tính duy cảm hay duy lý một cách có lợi cho tha nhân, có lợi cho sự hợp nhất với tha nhân, hay có lợi cho xã hội căn cứ trên nguyên tắc hợp nhất mọi người”¹⁸. Điều này cho thấy, đây là một quy tắc đạo đức vĩnh hằng nữa, song nó không chỉ ra mục đích hợp nhất mọi người, cũng như con đường và phương thức hợp nhất họ, do vậy nó mang tính chất tư biện.

Phái dân chủ xã hội cũng không bỏ qua những phương diện ấy của vấn đề khi họ phát hiện ra hai hình thức đoàn kết trong xã hội hiện đại.

Thứ nhất, đó là đoàn kết của những người yếu kém về mặt xã hội nhằm chống lại những kẻ có quyền lực trong xã hội và có thể coi đây là đoàn kết của lao động chống lại tư bản. Song, theo phái dân chủ xã hội, những mâu thuẫn giữa lao động và tư bản ngày càng suy yếu, trở nên ít gay gắt hơn, đảng của giai cấp công nhân sẽ biến thành đảng của nhân dân, khi đó, đoàn kết của người yếu chống lại kẻ mạnh cũng đánh mất tính chất giai cấp và quy thành việc “cào bằng quyền lực”.

Thứ hai, đó là “đoàn kết của kẻ mạnh với người yếu”. Theo các nhà lý luận của phái dân chủ xã hội, tình đoàn kết này thể hiện dưới những hình thức đa dạng: đoàn kết của người hữu sản với người vô sản, của người khỏe mạnh với ốm yếu, của người thành đạt với người thất bại, v.v.. Với cách tiếp cận như vậy, giai cấp chủ sở hữu tư nhân cho dù vẫn bóc lột giai cấp lao động, nhưng luôn có sự đồng cảm về mặt tinh thần với họ và thậm chí còn cố gắng làm nhẹ bớt số phận hẩm hiu của họ nhờ dành cho họ một phần thu nhập của mình. Các tư tưởng gia của phái dân chủ xã hội nhận thấy động cơ của hoạt động như vậy hoàn toàn là “ý thức đạo đức”. Theo họ, đoàn kết của kẻ mạnh với người yếu là một sự bổ sung đạo đức cho nguyên tắc “hoạt động có hiệu quả”. Tuy nhiên, về thực chất, việc giúp

đỡ người nghèo không phải để xoa dịu lương tâm bị cắn dứt của nhà tư bản, mà là giúp họ tiếp tục làm giàu dựa trên lao động của người lao động và duy trì địa vị thống trị và có đặc lợi đặc quyền của mình.

Như vậy, lý tưởng “đoàn kết xã hội” chỉ là một ảo tưởng của giai cấp tiểu tư sản không có ý định cải biến triệt để các cơ sở của chế độ tư sản. Chính vì vậy mà thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội hiện đại không muốn đề ra và thực hiện khẩu hiệu “tự do, công bằng và đoàn kết” với tư cách là “những giá trị cơ bản” trong đường lối chính trị của mình¹⁹. Đây cũng là sự thực chứng tỏ lập trường của phái dân chủ xã hội trong lĩnh vực dân chủ xã hội.

Tóm lại, từ đầu thế kỷ XX đến nay, nhìn chung, trong nội dung các phương pháp đấu tranh vì CNXH, phái dân chủ xã hội đã cố chứng tỏ tính hấp dẫn về mặt tư tưởng của học thuyết dân chủ xã hội, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển kinh tế và chính trị ổn định của các nước công nghiệp phương Tây. Hiện nay, chính phương Tây đã cho thấy rõ sự mâu thuẫn giữa nhiều định đề lý luận của phái dân chủ xã hội với các xu hướng phát triển xã hội chủ đạo. Mặc dù vậy, các mục đích mà phái dân chủ xã hội theo đuổi nêu trên - chủ nghĩa nhân văn, tự do, công bằng xã hội, bình đẳng về cơ hội sống, đảm bảo điều kiện sống xứng đáng cho mỗi người, và cho dù vẫn đảm bảo cho nó một cơ sở xã hội và một sự ủng hộ ổn định nhất định của quần chúng, song không làm thay đổi được căn bản trật tự xã hội vốn bất công của CNTB □

of marxisme, *Its Rise, Growth and Dissolution - The Golden Age*. Oxford, 1978; J.Touchard. *La gauche en France depuis 1990*, Paris, 1977; Storia del Marxismo, *Il marxismo nell eta della Seconda Internazionale*, Torino, 1979; *Phái dân chủ xã hội phương Tây: tìm kiếm đổi mới trong điều kiện khủng hoảng*, Moscow, 1998; *Karlo Rosseli và cánh tả ở châu Âu*, Moscow, 1999; *Chủ nghĩa xã hội dưới viễn cảnh của chủ nghĩa duy hậu công nghiệp*, Moscow, 1999; *Cánh tả ở châu Âu thế kỷ XX*, Moscow, 2001; *Đạo đức học với tư cách cơ sở triết học chính trị của phái dân chủ xã hội*, Moscow, 2001; *Phái dân chủ xã hội hiện đại*, Moscow, 2002; *Phục hưng của chủ nghĩa duy xã hội*, Moscow, 2003; *Cánh tả châu Âu ở giữa hai thiên niên kỷ*, Moscow, 2005.

^{2, 10} *Aims and Tasks of Democratic Socialism. Declaration of Socialist International, adopted at its First Congress, Frankfurt o.M. 30 June - 3 July 1951. - Yearbook of the International Socialist Labour Movement. L., 1956, p. 40; 73 (trích theo: V.Ivanov, Phái dân chủ xã hội trong thế giới hiện đại, Moscow, 2001, tr.60; 90).*

^{3, 4, 5} R.Lowenthal, *Sozialdemokratie und Staat. Demokratischer Sozialismus fur Industriegesellschaften*, Koln - Frankfurt a. M., 1998, s.139; 139; 140.

^{6, 11} *Socialist International Congress 13-th*, Geneva 1976; *Resolution on International Solidarity*. Geneva, 1976, tr.2.

⁷ H.Heimann, *Die Bedeutung der revisionistisch-reformistischen Theorieansatzes Bernsteins fur den Demokratischen Sozialismus. - Bernstein und der Demokratische Sozialismus*. Fr./M., 1988, tr.102.

^{8, 9} J.M.Uyl, *Die junge Generation und die Sozialdemokratie. - Demokratischer Sozialismus in den achtziger Jahren*, Bonn, 1989, tr.131; 141.

¹² *Le tesi per il 42 Congressse del PSI*, Palermo, 1981, tr. 29.

¹³ Điển hình như: Đảng Xã hội chủ nghĩa Áo coi những giá trị ấy là công bằng xã hội, phúc lợi cao, tự do, hòa bình trên khắp thế giới; Công đảng Anh coi chúng là dân chủ, bình đẳng kinh tế và bình đẳng xã hội; Đảng Xã hội chủ nghĩa Italia coi chúng là công bằng, bình đẳng và hòa bình; Đảng Công nhân Dân chủ xã hội Thụy Điển coi chúng là tự do, bình đẳng, dân chủ, đoàn kết, lao động.

^{14, 15, 16} Xem: M.Schlei, J.Wagner, *Grundwerte und Wissenschaft im Demokratischen Sozialismus*, Berlin, 1998, tr.104; 12; 59.

¹⁷ *Okonomisch-politischer Orientierungsrahmen fur die Jahre 1995*, Fr./M., 1995.

¹⁸ Xem: M.Schlei, J.Wagner, *Grundwerte und Wissenschaft im Demokratischen Sozialismus*, Berlin, 1998, tr.78.

¹⁹ Xem: *Grundsatzprogramm der Christlich Demokratischen Union Deutschlands*. Bonn - Koln, 1998, tr.37.

¹ Xem: J.Droz, *Le socialisme democratique (1864-1960)*, Paris, 1966; G.Naupt, *La deuxieme Internationale (1889-1914)*, La Haye, 1964; *Histoire du marxisme contemporain*, Vol. 1-4. Paris, 1975-1977; L.Kolakowski. *Main Currents*